

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP), theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo¹, Bộ Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định² và tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định vào ngày 20/8/2026³ để cho ý kiến đối với Hồ sơ dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL). Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và qua nghiên cứu Hồ sơ dự án Luật, Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. VỀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Tại Văn kiện Đại hội XIV của Đảng yêu cầu “*đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức và quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới*”. Ngày 10/3/2026, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (sau đây gọi tắt là Kết luận số 09-KL/TW), trong đó đặt ra những mục tiêu, định hướng quan trọng cho việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật và yêu cầu “*sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành VBQPPL, trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 2 năm 2026, có hiệu lực từ ngày 01/3/2027*”. Ngày 25/5/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 02/2026/UBTVQH điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó bổ sung Luật về VBQPPL.

Thực hiện phân công của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã chủ trì xây dựng hồ sơ chính sách của Luật về VBQPPL. Ngày 13/8/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 227/NQ-CP về việc thông qua 05 chính sách của Luật về VBQPPL, đồng thời giao Bộ Tư pháp xây dựng dự án Luật về VBQPPL, trình Chính phủ trong tháng 8/2026. Thực hiện Nghị quyết số 227/NQ-CP, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Hồ sơ dự án Luật về

¹ Công văn số 1024/CTXDVBQPPL-QLXDVB ngày 18/8/2026 của Vụ Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp.

² Quyết định số 1912/QĐ-BTP ngày 18/8/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Theo Quyết định số 1912/QĐ-BTP, Hội đồng thẩm định gồm 41 thành viên, thành viên có mặt 34/41 thành viên.

³ Giấy mời số 1088/GM-BTP ngày 18/8/2026 của Bộ Tư pháp.

VBQPPL. Hội đồng thẩm định nhất trí sự cần thiết xây dựng Luật về VBQPPL nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL.

II. VỀ TÊN GỌI, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Về tên gọi

Tại Tờ trình số 178/TTr-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ⁴, Chính phủ đề xuất đổi tên Luật, từ *Luật Ban hành VBQPPL* thành *Luật về VBQPPL* để phản ánh đầy đủ hơn phạm vi điều chỉnh đã được mở rộng của Luật (bao gồm các vấn đề xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành theo “vòng đời” của VBQPPL). Tại Nghị quyết số 02/2026/UBTVQH ngày 25/5/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026 đã bổ sung dự án *Luật về VBQPPL*. Theo đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp nhất trí tên gọi của dự án Luật.

2. Về phạm vi điều chỉnh

2.1. Điều 1 dự thảo Luật quy định phạm vi điều chỉnh của Luật: “*Luật này quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL và tổ chức thi hành VBQPPL...*”. Tuy nhiên, dự án Luật không quy định tất cả các nội dung của tổ chức thi hành VBQPPL (ví dụ như phổ biến, giáo dục pháp luật được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật). Hơn nữa, khoản 1 Điều 96 Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) và khoản 4 Điều 10 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định Chính phủ “*tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước*”. Khoản 1 Điều 112 Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định “*chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương...*”. Theo đó, để bảo đảm phù hợp về thẩm quyền của Quốc hội và Chính phủ, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý Điều 1 dự thảo Luật theo hướng kế thừa phạm vi điều chỉnh của Luật hiện hành: “*Luật này quy định về xây dựng, ban hành VBQPPL; nội dung cơ bản về tổ chức thi hành VBQPPL,...*”.

2.2. Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất đưa một số quy định của Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL, Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật và Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về tổ chức thi hành VBQPPL vào quy định của dự thảo Luật. Tuy nhiên, để bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh và yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp hiện nay, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện nội dung Chương VIII (về tổ chức thi hành VBQPPL) để bảo đảm Luật này chỉ quy định những vấn đề cơ bản về nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL; không quy định cụ thể biện pháp tổ chức thực hiện từng nội dung của tổ chức thi hành VBQPPL tại dự thảo Luật này.

2.3. Một số nội dung của dự thảo Luật được thiết kế thành 02 phương án (tại Điều 14, 55, 56, 77 và Điều 78). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể

⁴ Tại Tờ trình số 178/TTr-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026.

ưu điểm, hạn chế của từng phương án, đồng thời nêu rõ quan điểm của mình tại Hồ sơ dự án Luật, làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

III. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN LUẬT VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG

1. Hội đồng thẩm định thấy rằng, dự thảo Luật cơ bản bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về *đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật* (Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới); *hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới* (Kết luận số 09-KL/TW); *gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật* (Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV...). Trong đó, Kết luận số 09-KL/TW được cơ quan chủ trì soạn thảo xác định là “*cơ sở chính trị trực tiếp, có ý nghĩa định hướng xây dựng Luật về VBQPPL*” (trang 3 dự thảo Tờ trình).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu để thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến xây dựng và tổ chức thi hành VBQPPL tại dự thảo Luật (ví dụ như Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 09-KL/TW, các nghị quyết trụ cột của Trung ương⁵, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật...).

2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát toàn bộ Hồ sơ dự án Luật, bảo đảm tuân thủ đúng và đầy đủ: (i) Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; (ii) Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật”); (iii) Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

IV. TÍNH HỢP HIẾN, TÍNH HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ ÁN LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

1. Về tính hợp hiến

Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp chưa phát hiện nội dung của dự thảo Luật trái với quy định của Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15).

⁵ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW...

Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp thấy rằng, Hiến pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thiết chế trong bộ máy nhà nước (gồm Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ,...). Thẩm quyền ban hành VBQPPL liên quan chặt chẽ đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hiến định này. Luật Ban hành VBQPPL hiện hành (và dự án Luật này) liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước (theo khoản 3 Điều 2 Hiến pháp năm 2013) trong hoạt động lập pháp, lập quy. Việc cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất “*không tiếp tục xác định*” nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quyết định của Chủ tịch nước là VBQPPL (tại trang 12 dự thảo Tờ trình) là nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại Kết luận số 09-KL/TW về “*đơn giản hóa hệ thống VBQPPL theo hướng mỗi chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL chỉ ban hành một hình thức VBQPPL với lộ trình thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn*”. Tuy nhiên, để bảo đảm tính đầy đủ, chặt chẽ của Hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận, phân tích lý do đề xuất lược bỏ các hình thức VBQPPL nêu trên tại thời điểm hiện nay.

2. Về tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật

2.1. Việc đề xuất giảm các hình thức VBQPPL và thu hẹp chủ thể có thẩm quyền ban hành VBQPPL có tác động đến những VBQPPL có quy định về thẩm quyền ban hành, hình thức và nội dung VBQPPL (như các luật về tổ chức bộ máy nhà nước⁶, các luật trong các lĩnh vực chuyên ngành...). Do đó, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, đề xuất phương án, lộ trình xử lý các VBQPPL có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Ví dụ:

- Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, 2023, 2025) quy định *Quốc hội ban hành luật để quy định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 5 và Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ mối quan hệ giữa Luật Tổ chức Quốc hội và Luật về VBQPPL.

- Khoản 13 Điều 70 Hiến pháp năm 2013, điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 3 Điều 17 Luật Tổ chức Quốc hội, điểm d khoản 1 Điều 10 Luật Ban hành VBQPPL (được kế thừa tại khoản 4 Điều 11 dự thảo Luật) quy định: Quốc hội “*quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia*”. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 13 dự thảo Luật quy định Chủ tịch nước ban hành lệnh để quy định về “*biện pháp đặc biệt bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong một số trường hợp cụ thể theo quy định của luật*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ căn cứ đề xuất bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 13 dự thảo Luật nêu trên; làm rõ biện pháp đặc biệt và các trường hợp Chủ tịch nước được ban

⁶ Ví dụ: Luật Tổ chức Chính phủ quy định Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội...

hành lệnh quy định về biện pháp đặc biệt bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội (nêu ví dụ cụ thể nếu có). Đồng thời, đề nghị rà soát, nghiên cứu phương án xử lý để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Tổ chức Quốc hội và các luật có liên quan trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh với quy định của dự án Luật về vấn đề này.

- Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025 quy định: *Quốc hội giám sát tối cao VBQPPL quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành VBQPPL; Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát VBQPPL quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 4 của Luật Ban hành VBQPPL* (khoản 2 Điều 13 và Khoản 2 Điều 16). Do đó, trường hợp đề xuất lược bỏ một số hình thức VBQPPL thì sẽ tác động đến đối tượng và phạm vi giám sát VBQPPL theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025. Các quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2025 cũng cần được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thống nhất, đồng bộ với dự án Luật này.

- Luật Đất đai năm 2024 quy định “*Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành luật, pháp lệnh, nghị quyết về đất đai*” (khoản 1 Điều 14). Theo đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật Đất đai để bảo đảm thống nhất với quy định tại dự án Luật này.

2.2. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu các ý kiến cụ thể nêu tại Mục IX Báo cáo này.

V. SỰ PHÙ HỢP CỦA NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT VỚI CHÍNH SÁCH ĐÃ ĐƯỢC THÔNG QUA

Ngày 13/8/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 227/NQ-CP thông qua 05 chính sách của Luật về VBQPPL, bao gồm: (1) Chính sách 1: Tinh gọn hệ thống VBQPPL; (2) Chính sách 2: Tiếp tục xác định rõ thẩm quyền về nội dung ban hành VBQPPL của từng chủ thể, phạm vi nội dung giữa luật với VBQPPL khác, các nội dung cần được quy định trong VBQPPL; (3) Chính sách 3: Tiếp tục đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL theo hướng linh hoạt, kịp thời, hiệu quả và có kiểm soát, đẩy nhanh việc thể chế hóa chủ trương, định hướng của Đảng thành pháp luật; (4) Chính sách 4: Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, hoàn thiện cơ chế giải thích Hiến pháp, luật, hướng dẫn áp dụng VBQPPL và xây dựng cơ chế đánh giá VBQPPL sau ban hành; (5) Chính sách 5: Xây dựng cơ chế nâng cao chất lượng đội ngũ người làm công tác tham mưu xây dựng chính sách, pháp luật; tăng cường tính chuyên nghiệp trong công tác soạn thảo VBQPPL và tổ chức thi hành VBQPPL.

Hội đồng thẩm định thấy rằng, về cơ bản, dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở nội dung các chính sách được thông qua tại Nghị quyết số 227/NQ-CP. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các quy định của dự thảo Luật (nhất là các quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ trong quá trình xây dựng, ban hành VBQPPL tại dự thảo Luật), bảo đảm bám sát chỉ đạo của Chính phủ về việc “*tiếp tục rà soát, đánh giá kỹ tác động của chính sách để bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và hoàn thiện nội*

dung của các chính sách, trong đó, tập trung nghiên cứu đổi mới quy trình xây dựng luật theo hướng nâng cao thực chất chất lượng chính sách và dự thảo văn bản, bảo đảm liên thông giữa quy trình chính sách với quy trình soạn thảo, không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp; làm rõ hơn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì về chất lượng chính sách; đẩy mạnh số hóa, ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo trong quy trình xây dựng chính sách và soạn thảo văn bản; nghiên cứu xây dựng một hồ sơ lập pháp điện tử thống nhất”.

VI. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ ÁN LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; NGUỒN TÀI CHÍNH; NGUỒN NHÂN LỰC

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Ngoại giao khẳng định nội dung dự thảo Luật không liên quan đến các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Về bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Quốc phòng và đại diện Bộ Công an khẳng định Hồ sơ dự án Luật bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

3. Về nguồn tài chính, nguồn nhân lực

- *Về nguồn tài chính:* Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Tài chính đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung thông tin đánh giá về kinh phí và nguồn kinh phí để tổ chức triển khai Luật (như hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp luật, hạ tầng số phục vụ xây dựng, quản lý, kiểm tra, rà soát, hợp nhất, pháp điển, theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thi hành...).

- *Về nguồn nhân lực:* Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Nội vụ khẳng định nội dung dự thảo Luật không làm phát sinh tổ chức bộ máy, nhân lực để tổ chức thực hiện.

VII. SỰ CẦN THIẾT, TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; VIỆC PHÂN QUYỀN; VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ; VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC

1. Về thủ tục hành chính

Qua rà soát, Hội đồng thẩm định thấy rằng, Hồ sơ dự án Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, dự thảo Luật có quy định các thủ tục hành chính nội bộ về quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, làm rõ các thành phần tài liệu cần thiết trong hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL, bảo đảm phù hợp và tương ứng với các trình tự, thủ tục khác nhau

(thông thường, rút gọn hoặc đặc biệt), đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL.

2. Về việc phân quyền

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Nội vụ không có ý kiến cụ thể về nội dung phân quyền của dự thảo Luật.

3. Về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ nhất trí với đề xuất của cơ quan chủ trì soạn thảo về việc ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành VBQPPL tại Điều 74, 81 và 85 dự thảo Luật nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và đề nghị lược bỏ quy định “*Trí tuệ nhân tạo chỉ là công cụ hỗ trợ, cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm cuối cùng trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật*”, bởi vì Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025 đã có quy định “*Hệ thống trí tuệ nhân tạo không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định chịu trách nhiệm về việc xem xét và sử dụng kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo cung cấp*” (khoản 2 Điều 27).

4. Về việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có)

Dự thảo Luật không có nội dung liên quan trực tiếp đến bình đẳng giới; chính sách dân tộc.

VIII. VỀ NGÔN NGỮ, THỂ THỨC, KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN VÀ HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO LUẬT

1. Về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý dự thảo Luật để bảo đảm ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Ví dụ:

- Điều 75 và Điều 80 trùng lặp; việc sử dụng cụm từ “Tòa án” tại khoản 6 Điều 58 là không chính xác; việc sử dụng cụm từ “*thanh tra việc thi hành pháp luật*” tại khoản 9 Điều 57 là cần được cân nhắc, bảo đảm tính thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra năm 2025... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho phù hợp, chính xác.

- Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật, đề nghị chỉnh lý quy định “*Chính phủ phân công một cơ quan chủ trì tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ...*” theo hướng quy định rõ Bộ Tư pháp chủ trì tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

- Nhiều quy định tại Chương VIII quá chi tiết, không thuộc thẩm quyền của Quốc hội... Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý cho phù hợp.

2. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục soạn thảo Luật

Hồ sơ dự án Luật (gửi kèm theo Công văn số 1024/CTXDVBQPPL-QLXDVB ngày 18/8/2026) được xây dựng theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL. Tuy nhiên, tại thời điểm gửi thẩm định, do thời hạn lấy ý kiến gấp nên nhiều cơ quan chưa gửi ý kiến góp ý, phản biện đối với Hồ sơ dự án Luật. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tổng hợp và tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và ý kiến thẩm định tại Báo cáo này trước khi trình Chính phủ.

IX. VỀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Về hệ thống VBQPPL, thẩm quyền ban hành, nội dung VBQPPL (Điều 4 và Chương II)

Tại dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất duy trì **17/22** hình thức VBQPPL và không tiếp tục xác định **05** nhóm hình thức văn bản là VBQPPL⁷ (Điều 4); đồng thời sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung VBQPPL tương ứng với hình thức VBQPPL của cơ quan, người có thẩm quyền (Chương II). Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận, giải trình về tính khả thi và tác động của việc lược bỏ một số hình thức VBQPPL, đồng thời cân nhắc các vấn đề sau:

1.1. Về luật của Quốc hội (Điều 11)

Nghị quyết số 66-NQ/TW yêu cầu “*các quy định của luật phải mang tính ổn định*” và khoản 2 Điều 5 Luật Tổ chức Quốc hội quy định “*Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài*”. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung lập luận và giải trình tính hợp lý của việc quy định Quốc hội ban hành luật để quy định “*thực hiện thứ điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội*”, “*tạm ngưng, điều chỉnh hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật*” (khoản 9 và khoản 10 Điều 11).

1.2. Về pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 12)

- Dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh “*điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng, việc cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất bổ sung quy định này là nhằm thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW, tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện quy định này để bảo đảm chặt chẽ và rõ ràng hơn. Việc cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh “*để điều chỉnh quy định của luật*” cần được giới

⁷ Gồm: (i) nghị quyết của Quốc hội; (ii) nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; (iii) quyết định của Chủ tịch nước; (iv) nghị quyết của Chính phủ; (v) các nghị quyết liên tịch có sự tham gia của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bao gồm nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

hạn và xác định rõ điều kiện, trường hợp được áp dụng. Việc áp dụng cơ chế đặc biệt này chỉ nên mang tính chất tạm thời (trong thời gian Quốc hội chưa sửa đổi, bổ sung, ban hành luật) và cần có cơ chế kiểm soát, lộ trình xử lý để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Dự thảo Luật quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh đề quy định “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh được Quốc hội giao*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng, “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh*” về bản chất là vấn đề thuộc thẩm quyền quy định của Quốc hội. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo giải thích căn cứ đề xuất bổ sung quy định này và làm rõ *trường hợp* nào thì Quốc hội giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh đề quy định về “*vấn đề chưa có luật điều chỉnh*”.

- Về việc không tiếp tục xác định *ng nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổng động viên hoặc động viên cục bộ, ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương*⁸ là VBQPPL, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh, lập luận kỹ lưỡng căn cứ, lý do đề xuất và xin ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan có liên quan.

1.3. Về Nghị định của Chính phủ (Điều 14)

- Điều 14 dự thảo Luật quy định các vấn đề nội dung được quy định trong nghị định của Chính phủ. Tuy nhiên, quy định tại khoản 5 Điều 14 về “*giải quyết các vấn đề cấp bách, quan trọng phát sinh từ thực tiễn và để áp dụng trong một thời gian nhất định, phạm vi cụ thể thuộc thẩm quyền của Chính phủ*” là về tình huống/trường hợp mà Chính phủ có thể xử lý bằng việc ban hành nghị định theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính phù hợp của khoản 5 Điều 14.

- Khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật quy định Chính phủ ban hành nghị định để “*thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ*” (khoản 7). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về việc Chính phủ ban hành nghị định để thí điểm chính sách *khác* với quy định tại nghị định hiện hành thuộc thẩm quyền của Chính phủ (kế thừa điểm c khoản 2 Điều 14 Luật Ban hành VBQPPL).

- Đối với nội dung khoản 8 và khoản 9 (tại phương án 1) và khoản 8 (tại phương án 2), Hội đồng thẩm định thấy rằng, Kết luận số 09-KL/TW yêu cầu “*ngiên cứu cơ chế cho phép Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ được ban hành văn bản điều chỉnh quy định của luật trong trường hợp khẩn cấp, cấp bách mà Quốc hội không thể họp được hoặc điều chỉnh nội dung mang tính kỹ thuật để giải quyết ngay một số vấn đề phát sinh trong thực tiễn, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*”. Tuy nhiên, nội dung quy định tại 02 phương án đều rộng hơn so với

⁸ Hiến pháp năm 2013 quy định Ủy ban Thường vụ Quốc hội “quyết định tổng động viên hoặc động viên cục bộ; ban bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương”; Chủ tịch nước “căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương” (khoản 10 Điều 74, khoản 5 Điều 88). Điều 10 Luật Tình trạng khẩn cấp năm 2025 quy định nội dung của nghị quyết ban bố của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và lệnh công bố của Chủ tịch nước về tình trạng khẩn cấp (nội dung giống nhau).

yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý quy định của dự thảo Luật để bảo đảm bám sát yêu cầu tại Kết luận số 09-KL/TW và bảo đảm tính phù hợp, khả thi. Trường hợp bổ sung quy định về cơ chế đặc biệt cho phép ban hành nghị định để điều chỉnh quy định của luật thì cần quy định chặt chẽ điều kiện, trường hợp áp dụng (cơ chế này chỉ mang tính chất tạm thời trong thời gian chưa sửa đổi, bổ sung, ban hành luật của Quốc hội).

Ngoài ra, việc dự thảo Luật bổ sung trường hợp Chính phủ ban hành nghị định để *“thí điểm cơ chế chính sách chưa có hoặc khác với quy định của luật”* (tại khoản 9 của phương án 1) là chưa rõ căn cứ đề xuất. Hơn nữa, việc quy định Chính phủ ban hành nghị định để thí điểm chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ (khoản 7) hoặc thí điểm cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội (khoản 9) là cần được cân nhắc về tính phù hợp. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ và cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề này.

1.4. Về thông tư (Điều 17)

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc chỉnh lý khoản 2 Điều 17 dự thảo Luật theo hướng quy định cụ thể hơn phạm vi thẩm quyền ban hành thông tư của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để bảo đảm đồng bộ, tương ứng với các quy định khác của dự thảo Luật về ban hành thông tư theo thẩm quyền⁹, tạo cơ sở pháp lý xác định rõ phạm vi những vấn đề thuộc thẩm quyền ban hành VBQPPL của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

1.5. Về VBQPPL của chính quyền địa phương (Mục 2 Chương II)

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý các quy định tại Điều 18 dự thảo Luật để phân định rõ thẩm quyền và nội dung quy định tại VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (ví dụ như quy định *“vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”* là không bảo đảm rõ ràng, cụ thể).

- Điểm c khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật”*. Hội đồng thẩm định thấy rằng, quy định này chưa bảo đảm cụ thể, rõ ràng. Hiện nay, điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: *“Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép...”*. Khoản 1 Điều 9 Luật Thủ đô năm 2026 (luật đặc thù và phân quyền mạnh cho chính quyền Thủ đô) quy định: *“Thành phố được quyết định thí điểm cơ chế, chính sách mới, khác với luật, nghị quyết của Quốc hội hoặc đối với những vấn đề chưa được pháp luật quy định để áp dụng tại thành phố Hà Nội”*. Đề nghị cơ quan chủ trì

⁹ Như thẩm quyền ban hành thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Luật.

soạn thảo rà soát, nghiên cứu đề quy định cụ thể và chặt chẽ hơn trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được ban hành quy định thí điểm cơ chế, chính sách.

1.6. Về ban hành VBQPPL để thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp

Khoản 1 Điều 7 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025 quy định “phân quyền là việc Quốc hội quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong luật, nghị quyết, bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền quy định tại Luật này, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các luật khác có liên quan”. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định “chính quyền địa phương tự chủ trong việc ra quyết định, tổ chức thi hành và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền” (khoản 2 Điều 12).

Việc dự thảo Luật quy định Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương ban hành VBQPPL để quy định về “thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp” (không có nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền) là chưa bảo đảm đầy đủ. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý thành “thực hiện các nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp” tại khoản 3 Điều 15; điểm b khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 18; điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật để bảo đảm đầy đủ, phù hợp.

2. Nguyên tắc xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 5)

2.1. Khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật bổ sung nguyên tắc “xử lý sớm tổng thể, đồng bộ những điểm nghẽn có nguyên nhân từ thể chế, không để quy định của pháp luật bị lợi dụng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực”. Đồng thời, dự thảo Luật bổ sung nội dung đánh giá tác động, nội dung thẩm định, thẩm tra về việc nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ các điểm nghẽn có nguyên nhân từ quy định của pháp luật; nguy cơ giải pháp thực hiện chính sách/quy định trong dự thảo bị lợi dụng để tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại điểm đ khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 4 Điều 28, điểm d khoản 4 Điều 32, điểm e khoản 4 Điều 35.

Hội đồng thẩm định thấy rằng, việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong xây dựng, ban hành VBQPPL là hết sức cần thiết và hiện nay đã được quy định ở các nguyên tắc tại Luật Ban hành VBQPPL năm 2025: “kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ”, “tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bình đẳng giới; bảo đảm dân chủ, công bằng, nhân đạo, công khai, minh bạch, khoa học, kịp thời, ổn định, khả thi, hiệu quả” (khoản 3 và khoản 4 Điều 5). Để tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng tại dự án Luật này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu hoàn thiện và làm sâu sắc hơn các nguyên tắc xây dựng, ban hành VBQPPL, trong đó tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong quy trình xây dựng VBQPPL, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc xây dựng, ban hành VBQPPL...

Bên cạnh đó, có ý kiến thành viên Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc bổ sung các quy định về nội dung đánh giá tác động, nội dung thẩm định, thẩm tra tại điểm đ khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 4 Điều 28, điểm d khoản 4 Điều 32, điểm e khoản 4 Điều 35 dự thảo Luật này. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh cụ thể vấn đề này tại Hồ sơ dự án Luật.

2.2. Khoản 7 Điều 5 dự thảo Luật quy định “*Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng hành chính là các luật có tính nền tảng. Trong quá trình xây dựng, ban hành, nội dung các luật không được trái với các nguyên tắc cơ bản được quy định trong các luật có tính nền tảng, trừ trường hợp Quốc hội có quy định khác*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết quy định cụ thể các luật nền tảng tại dự thảo Luật này; làm rõ giá trị, ý nghĩa của việc xác định các luật nền tảng; mối quan hệ và nguyên tắc áp dụng trong trường hợp có sự khác nhau trong quy định của luật nền tảng và luật khác.

2.3. Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết luật hóa thành nguyên tắc đối với các loại quy phạm pháp luật tại khoản 8 và khoản 9 Điều 5 dự thảo Luật, bởi vì trên thực tế, nhiều VBQPPL có sự đan xen, kết hợp giữa các loại quy phạm pháp luật khác nhau. Những yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo đối với các loại quy phạm pháp luật không nên điều chỉnh cụ thể tại Luật.

2.4. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung các nguyên tắc cụ thể hơn đối với tổ chức thi hành VBQPPL. Tại khoản 10 Điều 5, đề nghị chỉnh lý thành “*gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng, ban hành với tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật*”. Tại khoản 11 Điều 5, đề nghị chỉnh lý thành “*xác định rõ trách nhiệm trong tổ chức thi hành VBQPPL, việc tổ chức thi hành VBQPPL phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả*”.

3. Về văn bản quy định chi tiết (Điều 8)

3.1. Khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “*Văn bản quy định chi tiết có thể đồng thời quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành nhưng phải phân biệt rõ các nội dung*”. Tuy nhiên, việc yêu cầu phân biệt nội dung quy định chi tiết với nội dung quy định biện pháp tổ chức thi hành là cần được cân nhắc về sự cần thiết và tính khả thi, bởi vì hiện nay trong nhiều văn bản quy định chi tiết có sự lồng ghép các nội dung này nhằm bảo đảm tính đầy đủ, khoa học, tạo thuận lợi cho theo dõi, tra cứu, áp dụng pháp luật.

3.2. Khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định “*Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ thời điểm phải chuẩn bị và gửi kèm dự thảo văn bản quy định chi tiết; chỉnh lý quy định về “*trình đồng thời*” theo hướng dự thảo văn bản quy định chi tiết được gửi kèm trong hồ sơ dự án luật, pháp lệnh.

3.3. Khoản 4 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “*Trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết nhiều nội dung của một VBQPPL thì ban hành một văn bản để quy định chi tiết các nội dung đó, trừ trường hợp cần phải quy định trong các văn bản khác nhau*”. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định “*trừ trường hợp*

cần phải quy định trong các văn bản khác nhau” còn mang tính tùy nghi, không rõ ràng. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy định này.

3.4. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định về “*trường hợp một cơ quan được giao quy định chi tiết các nội dung của nhiều VBQPPL khác nhau...*” (tại khoản 4 Điều 8), bởi vì khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định *văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết*; nếu một văn bản quy định chi tiết các nội dung của nhiều VBQPPL khác nhau thì việc xác định hiệu lực từng phần trong văn bản quy định chi tiết đó sẽ gặp khó khăn, vướng mắc khi các VBQPPL được quy định chi tiết có thời điểm có hiệu lực khác nhau.

4. Về quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Chương IV)

4.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bám sát yêu cầu tại Điều 2 Nghị quyết số 227/NQ-CP về việc đổi mới quy trình xây dựng, ban hành VBQPPL để sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan cho phù hợp; nghiên cứu bổ sung trường hợp thực hiện quy trình chính sách đối với pháp lệnh quy định tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật (pháp lệnh quy định *nội dung được luật của Quốc hội giao*); nghiên cứu đơn giản hóa hồ sơ chính sách, dự án, dự thảo VBQPPL theo hướng chỉ yêu cầu những hồ sơ thực sự cần thiết, bảo đảm nâng cao chất lượng hồ sơ (nhất là tờ trình, báo cáo đánh giá tác động chính sách...); thay thế *Báo cáo rà soát* chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách thành *Bản rà soát* chủ trương, đường lối của Đảng, VBQPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách.

4.2. Về lấy ý kiến, tham vấn chính sách (Điều 27): Dự thảo Luật quy định cả cơ quan lập đề xuất chính sách và Thường trực Hội đồng Dân tộc/Thường trực Ủy ban của Quốc hội chủ trì tổ chức hội nghị tham vấn chính sách. Để bảo đảm hiệu quả thực chất của hoạt động tham vấn chính sách, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ phạm vi trách nhiệm của từng cơ quan nêu trên và sự cần thiết quy định cả 02 cơ quan cùng thực hiện hoạt động tham vấn chính sách.

4.3. Về thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (Điều 30): Dự thảo Luật bổ sung quy định về thay đổi trình tự, thủ tục xây dựng luật, pháp lệnh (từ không phải xây dựng chính sách thành phải thực hiện quy trình chính sách và ngược lại) nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình xây dựng luật, pháp lệnh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể thẩm quyền quyết định việc thay đổi trình tự, thủ tục nêu trên.

4.4. Về soạn thảo luật, pháp lệnh (Điều 31): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc tính phù hợp của quy định “*đối với dự án luật, pháp lệnh đã thực hiện quy trình xây dựng chính sách thì không phải tổ chức lấy ý kiến*” (điểm a khoản 3 Điều 31) bởi vì thủ tục lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý góp phần quan trọng vào việc bảo đảm tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình xây dựng VBQPPL, nâng cao chất lượng của dự án luật, pháp lệnh.

4.5. Về thành phần hồ sơ trình xem xét, thông qua luật, pháp lệnh (khoản 3 Điều 37): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham khảo Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP ngày 06/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc đề nghị Chính phủ gửi hồ sơ dự án luật, nghị quyết trình tại Phiên họp Quốc hội biểu quyết thông qua¹⁰ để chỉnh lý quy định về thành phần hồ sơ dự án luật, pháp lệnh trình xem xét, thông qua cho phù hợp.

4.6. Về công bố luật, pháp lệnh (Điều 41): Khoản 2 Điều 41 dự thảo Luật quy định “*luật, pháp lệnh được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt thì Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết bổ sung quy định về trách nhiệm công bố Chủ tịch nước và thời hạn công bố trong trường hợp luật, pháp lệnh được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt.

Bên cạnh đó, Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định “*luật, pháp lệnh phải được công bố chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày được thông qua, trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh*” (khoản 2 Điều 85); Chủ tịch nước có nhiệm vụ, quyền hạn “*đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua*” (khoản 1 Điều 88). Do đó, để bảo đảm phù hợp và chính xác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý quy định tại khoản 2 Điều 41 nêu trên, bổ sung quy định về *trừ trường hợp Chủ tịch nước đề nghị xem xét lại pháp lệnh*.

4.7. Về xây dựng, ban hành lệnh của Chủ tịch nước (Điều 42): Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 không quy định cụ thể trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành VBQPPL đối với Chủ tịch nước. Tại Điều 42 dự thảo Luật chỉ bổ sung quy định “*dự thảo lệnh do Chính phủ soạn thảo phải được Bộ Tư pháp thẩm định*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các quy định cần thiết liên quan đến xây dựng, ban hành lệnh (trình tự, thủ tục, hồ sơ) để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện. Ngoài ra, đề nghị lược bỏ quy định “*Chủ tịch nước có thể yêu cầu cơ quan chủ trì soạn thảo báo cáo về những vấn đề quan trọng của dự thảo lệnh*” tại khoản 3 Điều 42 dự thảo Luật bởi vì quy định này mang tính chất chỉ đạo, không cần thiết quy định tại Luật.

4.8. Về xây dựng, ban hành thông tư liên tịch (Điều 47): Khoản 2 Điều 47 dự thảo Luật bổ sung quy định “*Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, thẩm định dự thảo thông tư liên tịch. Việc thẩm định dự thảo thông tư phải có sự tham gia người có thẩm quyền liên tịch ban hành*”. Tuy nhiên, việc tổ chức thẩm định dự thảo thông tư liên tịch thường do một đơn vị của cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện. Do đó, đề nghị cân nhắc tính hợp lý của việc quy định “*người có thẩm quyền liên tịch ban hành*” (có thể là Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng

¹⁰ Gồm (i) Báo cáo của cơ quan trình về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (ii) Dự thảo luật, nghị quyết đã được tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện; (iii) Kết luận của UBTVQH về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (iv) Báo cáo ý kiến của cơ quan thẩm tra về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo luật, nghị quyết; (v) Tài liệu khác (nếu có)

Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ) phải tham gia thẩm định dự thảo thông tư.

5. Về xây dựng VBQPPL theo trình tự, thủ tục rút gọn, trường hợp đặc biệt (Chương VI)

5.1. Về thành phần hồ sơ dự thảo VBQPPL: Điểm c khoản 4 Điều 49 dự thảo Luật bổ sung “*báo cáo thuyết minh dự thảo văn bản*” vào thành phần hồ sơ gửi lấy ý kiến góp ý, thẩm định, thẩm tra, hồ sơ gửi Chính phủ cho ý kiến đối với dự án không do Chính phủ trình. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định cho rằng, các nội dung của Báo cáo này đã được thể hiện tại Tờ trình và *Bản so sánh dự thảo sửa đổi, bổ sung, thay thế với luật, pháp lệnh hiện hành và lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc sự cần thiết bổ sung thành phần hồ sơ này, bảo đảm thực hiện yêu cầu tại Nghị quyết số 227/NQ-CP về “*không làm phát sinh thêm tầng nấc, thủ tục, hồ sơ trùng lặp*”.

5.2. Tại khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL năm 2025 quy định về trường hợp VBQPPL được bổ sung (ngay) vào dự kiến chương trình kỳ họp Quốc hội để trình Quốc hội xem xét, thông qua (luật, nghị quyết) đối với *vấn đề cấp bách/trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn*. Để thống nhất cách hiểu, tại mục 3 Văn bản số 1577/UBTVQH15-PLTP ngày 06/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn cách hiểu “*vấn đề cấp bách*” quy định tại khoản 2 Điều 26 và “*trường hợp cấp bách*” tại điểm b khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành VBQPPL là “*trường hợp cần ban hành ngay VBQPPL để kịp thời thể chế hóa chủ trương mới của Đảng, yêu cầu, chỉ đạo mới của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và việc xây dựng, ban hành VBQPPL đó đã được cơ quan có thẩm quyền của Đảng đồng ý*”. Hiện nay, khoản 3 Điều 23 dự thảo Luật đã chỉnh lý quy định về “*vấn đề cấp bách*” như hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nêu trên, tuy nhiên nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48 dự thảo Luật chưa được chỉnh lý tương ứng đối với quy định về “*trường hợp cấp bách*”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cho thống nhất.

6. Về hiệu lực và nguyên tắc áp dụng VBQPPL (Chương VII)

6.1. Về thời điểm hiệu lực của VBQPPL: Khoản 2 Điều 51 dự thảo Luật quy định VBQPPL “*được áp dụng trực tiếp, không có văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành thì có thể có hiệu lực ngay sau khi được thông qua hoặc ký ban hành*” (điểm a). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cách xác định VBQPPL được áp dụng trực tiếp tại quy định nêu trên.

6.2. Về quy định “*các văn bản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì có hiệu lực không sớm hơn 10 ngày đối với VBQPPL của cơ quan nhà nước ở trung ương và 05 ngày đối với VBQPPL của chính quyền địa phương kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành*”: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất thời điểm có hiệu lực như trên. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định thời hạn có hiệu lực tại điểm b khoản 2 Điều 51 cần được cân

nhắc kỹ lưỡng, đặc biệt là đối với trường hợp VBQPPL được ban hành theo quy định tại khoản 6 Điều 12, Điều 13, khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật.

6.3. Khoản 3 Điều 51 dự thảo Luật quy định “*thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết không được sớm hơn 06 tháng kể từ ngày văn bản giao quy định chi tiết thông qua hoặc ký ban hành, trừ trường hợp văn bản quy định chi tiết đã được xây dựng và ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm hoặc văn bản giao quy định chi tiết có quy định thời hạn khác*”. Hội đồng thẩm định thấy rằng, quy định nêu trên là chưa rõ ràng, chưa bảo đảm tính thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật (văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết); chưa tính toán đến trường hợp VBQPPL giao quy định chi tiết có hiệu lực trước 06 tháng kể từ ngày được thông qua. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, chỉnh lý cho phù hợp.

6.4. Về VBQPPL hết hiệu lực (Điều 55): Tại khoản 2 Điều 55 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 02 phương án xác định hiệu lực của văn bản quy định chi tiết. Hội đồng thẩm định thấy rằng, về cơ bản cả 02 phương án đều đề xuất văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ) thì văn bản quy định chi tiết cũng sẽ hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ), trừ trường hợp được công bố tiếp tục có hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ). Tại khoản 2 Điều 8 dự thảo Luật quy định văn bản quy định chi tiết có thể “*đồng thời quy định biện pháp cụ thể để tổ chức, hướng dẫn thi hành*”. Theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cách thức xác định hiệu lực đối với các văn bản quy định chi tiết đồng thời quy định về biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành khi văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực (một phần hoặc toàn bộ); làm rõ thẩm quyền ban hành văn bản công bố tại các phương án đề xuất.

6.5. Về áp dụng VBQPPL (Điều 56): Tại khoản 5 Điều 56 dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất 02 phương án. Hiện còn có ý kiến khác nhau về vấn đề này (tại cuộc họp thẩm định, đa số ý kiến lựa chọn phương án 1¹¹) và cho rằng cách thức quy định tại phương án 2 không bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể ưu điểm, hạn chế của từng phương án; làm rõ cách xác định quy định pháp luật chuyên ngành để làm cơ sở cho việc áp dụng nguyên tắc; xác định thứ tự áp dụng pháp luật trong trường hợp các VBQPPL cùng điều chỉnh trực tiếp, hoặc trường hợp văn bản ban hành trước nhưng có hiệu lực sau...

7. Về tổ chức thi hành VBQPPL (Chương VIII)

7.1. Tại dự thảo Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất tích hợp một số nội dung của Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL, Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật (đồng thời đề xuất 02 Pháp lệnh này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành), Nghị định số 80/2025/NĐ-CP. Tuy nhiên, Hội đồng thẩm định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định cụ thể những nội dung/vấn đề cần

¹¹ “Trường hợp các quy phạm pháp luật có cùng hiệu lực pháp lý quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định pháp luật chuyên ngành. Quy định pháp luật chuyên ngành chỉ được áp dụng trong phạm vi lĩnh vực hoặc nhóm quan hệ xã hội mà quy định đó trực tiếp điều chỉnh”.

quy định tại Luật này (thuộc thẩm quyền quy định của Quốc hội); không đưa vào dự thảo Luật những nội dung thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ.

Việc dự thảo Luật quy định quá chi tiết, cụ thể về từng nội dung, biện pháp tổ chức thi hành VBQPPL, như kế hoạch triển khai và chuẩn bị điều kiện thi hành VBQPPL (Điều 59), hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL (Điều 63), tiếp nhận, xử lý, phản ánh, kiến nghị về VBQPPL (Điều 64), theo dõi việc thi hành VBQPPL (Điều 65), đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL (Điều 66), kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 67), phản ứng chính sách trong tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 68), sơ kết, tổng kết việc thi hành VBQPPL (Điều 69), dữ liệu số trong tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 70), sử dụng kết quả tổ chức thi hành VBQPPL trong công tác xây dựng VBQPPL (Điều 71), trách nhiệm quản lý nhà nước về tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 72), cung cấp thông tin về tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 73), điều kiện bảo đảm cho tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 74)... là cần được cân nhắc, bởi vì nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ và không cần thiết quy định tại Luật này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh lý nội dung Chương VIII dự thảo Luật theo hướng quy định nội dung tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 57), trách nhiệm tổ chức thi hành VBQPPL (Điều 58) và thiết kế các quy định về hoạt động tổ chức thi hành VBQPPL bảo đảm gắn kết cụ thể, rõ ràng với trách nhiệm của các chủ thể quy định tại Điều 58. Đối với các vấn đề liên quan đến điều kiện bảo đảm, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, dữ liệu số trong tổ chức thi hành VBQPPL thì đưa vào các quy định tại Chương IX (về nguồn lực trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành VBQPPL).

7.2. Một số quy định của dự thảo Luật chưa bảo đảm cụ thể, rõ ràng. Ví dụ: Quy định về *“cơ quan, người có thẩm quyền tự mình hoặc theo văn bản đề nghị hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL...”* tại khoản 1 Điều 63 không rõ cơ quan, người có thẩm quyền, không rõ chủ thể đề nghị, chủ thể được hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành VBQPPL và cần cân nhắc tính khả thi của quy định này. Quy định tại Điều 68 về phản ứng chính sách trong tổ chức thi hành VBQPPL không thể hiện đúng nội hàm của phản ứng chính sách (các biện pháp như *“điều chỉnh biện pháp tổ chức thi hành”*, *“giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng VBQPPL”*, *“kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL”* được quy định tại khoản 4 Điều 68 không phải là biện pháp phản ứng chính sách)... Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý cho phù hợp.

7.3. Dự thảo Luật quy định nội dung tổ chức thi hành VBQPPL, trong đó có *“Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật, đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL”* (khoản 9 Điều 57); nội dung kiểm tra việc tổ chức thi hành VBQPPL bao gồm *việc thực hiện các nội dung tổ chức thi hành VBQPPL; theo dõi việc thi hành VBQPPL; đánh giá hiệu quả thi hành VBQPPL* (khoản 2 Điều 67); nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp *“kiểm tra, phối hợp với các bộ, ngành hữu quan tiến hành thanh tra việc thi hành pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật”* (khoản 2 Điều 72).

Hội đồng thẩm định thấy rằng, các quy định nêu trên chưa phân định rõ phạm vi, nội dung, cách thức thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong việc kiểm tra công tác tổ chức thi hành VBQPPL. Bộ Tư pháp là cơ quan kiểm tra công tác tổ chức thi hành VBQPPL, hoạt động kiểm tra này tập trung đánh giá công tác tổ chức thi hành VBQPPL (không đi sâu kiểm tra, xem xét việc áp dụng pháp luật trong từng hồ sơ, vụ việc cụ thể¹²). Ngoài ra, việc quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp tại khoản 2 Điều 72 dự thảo Luật là không phù hợp (vấn đề này thuộc thẩm quyền của Chính phủ). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lược bỏ quy định này.

7.4. Về giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh (Điều 60): Khoản 4 Điều 60 dự thảo Luật quy định về xây dựng dự thảo pháp lệnh giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh, tuy nhiên, chưa quy định rõ ràng và đầy đủ trình tự, thủ tục, hồ sơ. Ví dụ: dự thảo Luật có quy định thủ tục thẩm tra (tại điểm c khoản 4 Điều 60) nhưng không có quy định về thẩm định dự thảo pháp lệnh. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ quy trình, thủ tục, hồ sơ xây dựng pháp lệnh trong trường hợp này có khác biệt so với các trường hợp xây dựng pháp lệnh khác hay không, nếu có thì đề nghị thiết kế quy định cụ thể, rõ ràng.

7.5. Về hướng dẫn áp dụng VBQPPL (Điều 61): Khoản 3 Điều 61 dự thảo Luật quy định “*đối với nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, ban hành quyết định hành chính để hướng dẫn áp dụng*”. Việc quy định các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định hành chính để hướng dẫn áp dụng nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ là không phù hợp về hình thức văn bản và thực tiễn triển khai. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý cụm từ “*quyết định hành chính*” thành “*văn bản hành chính*” (tương tự như quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 61).

7.6. Về hợp nhất VBQPPL (Điều 78): Khoản 4 Điều 78 dự thảo Luật quy định “*dự thảo văn bản hợp nhất được trình đồng thời với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần...*”. Hội đồng thẩm định cho rằng, việc quy định như trên sẽ phát sinh vướng mắc trong thực tiễn thực hiện và gây lãng phí (ví dụ như trong trường hợp xây dựng một luật sửa đổi nhiều luật thì cần phải trình đồng thời nhiều dự thảo văn bản hợp nhất). Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc kế thừa quy định tại Pháp lệnh Hợp nhất VBQPPL (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2026 nhằm thể chế hóa Kết luận số 09-KL/TW) về việc cơ quan/đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản sửa đổi, bổ sung có trách nhiệm chuẩn bị *dự thảo phân nội dung hợp nhất* để trình đồng thời với dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung.

8. Một số nội dung khác

8.1. Về giải thích từ ngữ (Điều 3): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, nghiên cứu bổ sung giải thích một số từ ngữ liên quan đến tổ chức thi hành

¹² Việc kiểm tra chuyên sâu đối với quá trình áp dụng, thi hành pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực, bao gồm việc kiểm tra hồ sơ, vụ việc cụ thể (nếu có), thuộc trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ trên cơ sở các Luật chuyên ngành và theo phạm vi quản lý nhà nước được giao.

VBQPPL (như hợp nhất VBQPPL, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, phản ứng chính sách...).

8.2. Về điều khoản thi hành (Chương X): Tại Hồ sơ dự án Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh rõ căn cứ, lý do đề xuất quy định tại khoản 2 Điều 86 về việc “từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027, Quốc hội được tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 10, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 11, Chính phủ tiếp tục ban hành nghị quyết là VBQPPL để quy định các vấn đề tại khoản 2 Điều 14 của Luật Ban hành VBQPPL...”. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, tính toán kỹ lưỡng các vấn đề chuyển tiếp cần xử lý trong dự thảo Luật này.

8.3. Trên cơ sở rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện phạm vi điều chỉnh và nội dung của dự thảo Luật, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng những quy định cần thiết giao Chính phủ chi tiết, bảo đảm phù hợp, khả thi.

X. KẾT LUẬN

Trên cơ sở ý kiến thẩm định từng nội dung nêu trên, Hội đồng thẩm định và Bộ Tư pháp cho rằng dự thảo Luật chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu và giải trình đầy đủ các nội dung theo ý kiến thẩm định tại Báo cáo này, trong đó lưu ý hoàn thiện các nội dung sau: (1) phạm vi điều chỉnh của dự án Luật; (2) tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan; (3) tính hợp lý, khả thi của các quy định tại dự thảo Luật, nhất là các quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ xây dựng, ban hành VBQPPL, các nội dung, biện pháp tổ chức thi hành VBQPPL; (4) các nội dung cụ thể của dự thảo Luật được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đối với Hồ sơ dự án Luật về văn bản quy phạm pháp luật, xin gửi Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Đặng Hoàng Oanh;
- Vụ Công tác XDVBQPPL;
- Cục KTVB&TCTHPL;
- Lưu: VT, Cục PLHSHC&QLXLVPHC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Tịnh